

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HNGĐ-ST**.
Ngày 28/4/2021.
V/v “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thanh Bình.

2/ Bà Đoàn Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/03/2021 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Tà Lúa, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Tà Lúa, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Nguyễn Thị D** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị D** và anh **Nguyễn Văn H** về chung sống với nhau là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức

đám cưới vào năm 2020 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/5/2020. Trong quá trình chung sống với nhau chị D và anh H thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi nhau. Đầu tháng 9 năm 2020 chị và anh H bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh H không quan tâm đến nhau nên dẫn tình cảm vợ chồng không được như trước, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy hiện nay chị không còn tình cảm với anh H nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Theo chị D trình bày chị và anh H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D khai rằng trong quá trình chung sống với nhau, chị và anh H không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn H*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt và không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho anh Nguyễn Văn H theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ 2 nhưng bị đơn anh H

vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2020 chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/5/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng sau thời gian chung sống hạnh phúc với nhau, chị D và anh H phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống; Theo như chị D trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không lo làm, không quan tâm đến vợ. Vì vậy mà chị và anh H thường xuyên cãi vã nhau, lần cãi nhau gần nhất vào dịp tết nguyên đán vừa qua anh H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Hiện nay chị và anh H đã sống ly thân với nhau và không còn quan tâm gì đến nhau.

Tại phiên tòa, chị D cương quyết ly hôn với anh H vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh H, điều này thể hiện hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa.

Mặc khác; Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải nhưng anh H đều vắng mặt, điều này cũng thể hiện anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị D.

Từ những cơ sở trên; chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về quan hệ con chung:* Theo chị D trình bày thì chị và anh H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D khai rằng chị D và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2/ Về quan hệ con chung: Không xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0001539, ngày 25/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị D không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp